

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGÔN NGỮ CỦA TRẺ 12-36 THÁNG TUỔI

Nguyễn Thị Bích Thủy⁺,
Lê Thị Kim Phượng,
Nguyễn Thị Hoàng Hà

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - Nha Trang
+Tác giả liên hệ • Email: nbthuy@sptwnt.edu.vn

Article history

Received: 12/6/2023

Accepted: 31/7/2023

Published: 20/11/2023

Keywords

Assessment, language
proficiency, oral language
comprehension and usage,
12-36 month-old children

ABSTRACT

The language development of 12-36 month-old children has a great impact on the formation and overall development of the child's personality. To develop language for children of this age group in a comprehensive, complete and appropriate manner, it is necessary to conduct an assessment of the child's language proficiency at each different stage in the period from 12-36 months. The article summarizes some theoretical issues about language capacity of 12-36-month-old children and the significance goals, content, and methods of assessing language capacity of 12-36 month-old children. Assessment of language ability is critical as a basis for building a plan to organize language development activities for children and to improve and innovate content and methods with the aim of effectively promoting children's language development.

1. Mở đầu

Vygotsky từng nói: 12-36 tháng tuổi là thời kỳ rất nhạy cảm đối với sự phát triển ngôn ngữ (PTNN), chính trong thời kỳ này, sự lĩnh hội ngôn ngữ mẹ đẻ diễn ra hiệu quả nhất. Nếu do những nguyên nhân nào đó, trẻ bị mất đi những điều kiện cần thiết cho sự PTNN thì sau này việc bù lại những cái đã mất đi sẽ gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, cần phải quan tâm đặc biệt đến sự PTNN cho trẻ ở độ tuổi này. Nhận định trên cho thấy, Vygotsky đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò và tầm quan trọng của việc PTNN cho trẻ từ 12-36 tháng tuổi bởi ngôn ngữ là yếu tố có vai trò quan trọng mang tính quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện trẻ em ở độ tuổi này. Ngôn ngữ nói chung, lời nói mạch lạc nói riêng là điều kiện cần thiết thúc đẩy tư duy phát triển, chuẩn bị cho trẻ học tập ở trường phổ thông (Lã Thị Bắc Lý và cộng sự, 2021).

Muốn PTNN cho trẻ, không thể không đánh giá năng lực ngôn ngữ (NLNN) của trẻ vì đây chính là cơ sở để nhà giáo dục có thể xác định được mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp tác động nhằm PTNN cho trẻ một cách hiệu quả. Do đó, đánh giá NLNN của trẻ em nói chung, trẻ 12-36 tháng tuổi nói riêng là vấn đề luôn được quan tâm bởi các nhà nghiên cứu, các nhà giáo dục và phụ huynh của trẻ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái quát về năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi

2.1.1. Một số khái niệm

- *Ngôn ngữ*: Ngôn ngữ là một trong những hệ thống kí hiệu độc đáo, là phương tiện cơ bản và quan trọng nhất của việc giao tiếp giữa các thành viên trong cộng đồng người và cũng là phương tiện phát triển tư duy, truyền đạt các truyền thống văn hóa - lịch sử từ thế hệ này sang thế hệ khác. Theo nghĩa hẹp, ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu các âm thanh, từ ngữ, cách sử dụng từ để đặt câu và liên kết câu được một cộng đồng người hay một xã hội nhất định thừa nhận để sử dụng chung trong giao tiếp. Là công cụ để giao tiếp giữa người với người, ngôn ngữ được cụ thể hóa trong lời nói. Lời nói là chuỗi liên tục các kí hiệu ngôn ngữ được xây dựng theo các quy luật ứng với nhu cầu biểu hiện nội dung cụ thể. Lời nói phân biệt với ngôn ngữ ở chỗ: lời nói mang màu sắc của cá nhân, của chủ thể lời nói. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói là mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng. Lời nói cũng chính là ngôn ngữ - ngôn ngữ ở dạng hoạt động (Nguyễn Thị Phương Nga, 2012, tr 10).

- *NLNN*: *Năng lực* thường được hiểu là phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một hoạt động nào đó với chất lượng cao (Hoàng Phê và cộng sự, 2002, tr 660-661). *Năng lực* là một tập hợp các kiến thức, kĩ năng, hành vi, thái độ được cá nhân tích lũy và sử dụng để đạt được kết quả theo yêu cầu công việc. Trong tiếng Anh, có hai từ chỉ "năng lực": *Ability* dùng để chỉ năng lực theo nghĩa tâm lí học, là chức năng tâm lí, có thể cho phép cá nhân thực hiện hoạt động; *Competence* chỉ năng lực theo nghĩa thực hiện được công việc thực sự.

NLNN là toàn bộ các điều kiện tâm lí và sinh lí bảo đảm cho thành viên của một cộng đồng ngôn ngữ có thể lĩnh hội và sản sinh lời nói. NLNN giúp con người có thể hiểu điều người khác diễn đạt và biểu đạt rõ ràng, mạch lạc ý

nghe và tình cảm của mình bằng lời nói cũng như nét mặt, điệu bộ, cử chỉ (Nguyễn Xuân Khoa, 1999). Nói cách khác, đó chính là khả năng lĩnh hội (nghe - hiểu lời nói) và truyền tải thông tin (sử dụng lời nói) một cách hiệu quả thông qua ngôn ngữ. NLNN thể hiện ở các bình diện ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp.

- *Năng lực nghe - hiểu lời nói*: Đây là khả năng người tiếp nhận lời nói nghe được âm thanh ngôn ngữ, hiểu ý nghĩa của âm thanh ấy trên cơ sở hiểu được ý nghĩa của từ, từ đó hiểu được nội dung thông báo do câu và chuỗi câu mang lại. Sự phát triển của năng lực nghe - hiểu lời nói phản ánh sự phát triển của ngôn ngữ thụ động (receptive language). Ngoài việc nắm được cấu trúc ngữ pháp, năng lực nghe - hiểu lời nói của trẻ phụ thuộc nhiều vào vốn từ mà trẻ tích lũy được qua quá trình giao tiếp, học tập, vui chơi.

- *Năng lực sử dụng lời nói*: Năng lực sử dụng lời nói là khả năng truyền tải thông điệp có chủ định bằng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp xã hội (*ngôn ngữ chủ động*, expressive language). Đây là khả năng người nói sử dụng được các kĩ năng ngôn ngữ như phát âm, sử dụng từ, đặt câu và liên kết câu để biểu đạt được nội dung giao tiếp bằng ngôn ngữ (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2015). Năng lực sử dụng lời nói ở trẻ nếu được trau dồi, rèn luyện đúng cách, đúng mức có thể giúp trẻ thực hiện được các hoạt động khác nhau trong cuộc sống, góp phần phát triển toàn diện nhân cách trẻ. Trong hoạt động nói, các NLNN nêu trên có mối quan hệ rất chặt chẽ với nhau, hình thành nên *năng lực giao tiếp* (communicative competence) ở mỗi người (Nguyễn Quang, 2016, tr 1-9).

2.1.2. Đặc điểm năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi

2.1.2.1. Đặc điểm năng lực nghe - hiểu lời nói của trẻ 12-36 tháng tuổi

Đối với trẻ nhà trẻ, năng lực nghe - hiểu lời nói biểu hiện cụ thể ở việc trẻ nghe và thực hiện được yêu cầu của người khác; thể hiện sự hợp lí trong lời nói khi nói chuyện, trao đổi với người khác trên cơ sở hiểu được lời thoại của người đối thoại; trẻ cuối độ tuổi nhà trẻ (24-36 tháng) hiểu nội dung các bài thơ, câu chuyện được nghe (qua việc đọc/ kể và lời giảng giải của người khác) thông qua việc trả lời câu hỏi về nội dung tác phẩm...

- Đối với trẻ 12-24 tháng tuổi

Ở độ tuổi này, tri giác nghe của trẻ vẫn còn hạn chế; vốn từ của trẻ chưa nhiều mặc dù số lượng từ của trẻ tăng nhanh theo độ tuổi, đặc biệt là khoảng từ 18-24 tháng. Theo Nguyễn Thị Phương Nga (2012, tr 35), từ 12-18 tháng, trẻ có khoảng 20-30 từ (trong đó chủ yếu là danh từ, động từ và một số ít tính từ); từ 18-24 tháng, vốn từ của trẻ dao động trong khoảng 200-300 từ (chủ yếu là danh từ, động từ, tính từ, một ít số từ, hư từ - những từ chỉ tên gọi của vật hoặc người gần gũi với trẻ: người trong gia đình, vật nuôi trong nhà, thức ăn, đồ chơi; chỉ những hành động trẻ thường thấy hoặc tự mình thực hiện: đi, chạy, ăn, uống, bế...; chỉ những thuộc tính cơ bản của sự vật như xấu, đẹp...). Khả năng hiểu nghĩa của từ trong giai đoạn này của trẻ có đặc điểm như sau:

+ Hiểu được ý nghĩa của những từ gắn với sự vật, hiện tượng mà trẻ tri giác được (từ có nghĩa cụ thể). Điều này hoàn toàn phù hợp với đặc điểm nhận thức trực quan hành động của trẻ.

+ Trẻ hiểu ý nghĩa của từ qua 2 giai đoạn phát triển: Theo *chiều ngang* (sự bổ sung thuộc tính mới cho ý nghĩa của từ mà trẻ đã biết. Ví dụ: đầu tiên, trẻ chỉ biết con chó nuôi trong nhà mình là “con chó”, về sau, trẻ biết những con chó có đặc điểm bên ngoài khác nhau vẫn gọi là con chó → mức độ hiểu ý nghĩa khái quát của từ); Theo *chiều dọc* (trẻ biết thuộc tính đặc trưng của đối tượng và tiếp tục lĩnh hội những từ khác có liên quan với thuộc tính đó. Ví dụ: trẻ biết đặc điểm đặc trưng của “con chó”, đồng thời biết tên gọi, đặc trưng của một số con vật khác giống với con chó như “con mèo”, “con bò”... → hình thành phạm trù nhận thức ý nghĩa của “động vật” - khả năng khái quát nghĩa của từ theo trường nghĩa → trẻ sẽ biết thêm từ “con trâu” vào tập hợp các từ cùng loại “động vật/con vật” mà trẻ đã biết) (Nguyễn Thị Phương Nga, 2012, tr 35-36). Trẻ nghe hiểu được câu có cấu tạo đơn giản, diễn đạt ngắn gọn, và thường hiểu câu theo kiểu nghe hiểu một/ vài từ quen thuộc trong câu cộng với biểu cảm/ hành động của người nói. Cuối độ tuổi, trẻ có thể hiểu câu đơn mở rộng thành phần bổ ngữ, trạng ngữ...; hiểu được chuyện kể theo tranh có nội dung đơn giản, gần gũi với vốn sống của trẻ.

- Đối với trẻ 24-36 tháng tuổi

Sau với năm thứ hai, ở độ tuổi này, số lượng từ của trẻ tăng lên rất nhanh, trong đó danh từ, động từ và tính từ chiếm tỉ lệ cao. Trẻ có thể nghe hiểu khoảng 400-1000 từ, đặc biệt là một số từ có tính chất trừu tượng (từ chỉ phương hướng và vị trí: *trên, dưới, trước, sau, trong, ngoài*; từ chỉ màu sắc: *xanh, đỏ, vàng*...; từ chỉ kích thước: *to, nhỏ*; từ chỉ tính chất: *đẹp, xấu*...) (Nguyễn Thị Phương Nga, 2012, tr 38). Đây là giai đoạn vốn từ của trẻ phát triển nhanh nhất trong cuộc đời con người (thời kì “phát cảm ngôn ngữ”). Tư duy về mặt ngôn ngữ ở lứa tuổi này nhanh và đạt hiệu quả cao nhất. Tri giác nghe tốt hơn cộng với vốn từ phát triển nhanh giúp cho trẻ độ tuổi này nghe hiểu lời nói tốt hơn hẳn trẻ độ tuổi trước. Trẻ có thể nghe hiểu được các câu dài hơn, có cấu tạo phức tạp hơn (chẳng hạn câu đơn mở rộng thành phần, câu ghép đẳng lập, một số loại câu ghép chính phụ). Do đó, bên cạnh khả năng nghe hiểu lời

nói của người thân, GV... trong giao tiếp, trong tham gia các hoạt động giáo dục, trẻ còn có thể nghe hiểu nội dung của một số truyện ngắn đơn giản, ít nhân vật trong điều kiện có sự hỗ trợ của hình ảnh, sự giảng giải... của GV.

2.1.2.2. Đặc điểm năng lực sử dụng lời nói của trẻ 12-36 tháng tuổi

Đối với trẻ nhà trẻ, năng lực sử dụng lời nói biểu hiện ở khả năng phát âm các âm tiết tiếng Việt, sử dụng từ và diễn đạt nội dung nói bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ nhìn chung phù hợp với hoàn cảnh, tình huống giao tiếp. Cụ thể:

- *Đối với trẻ 12-24 tháng tuổi:* + Về phát âm: Bộ máy phát âm của trẻ đã có bước hoàn thiện. Sự xuất hiện hàm răng (20 răng sữa vào 20 tháng tuổi) là một bước tiến đáng kể làm cho cấu tạo của bộ máy phát âm dần hoàn chỉnh. Các vận động của môi, lưỡi, hàm dưới đã bắt đầu phù hợp với chức năng sản sinh ngôn ngữ. Vì thế, trẻ đã phát âm được những phụ âm đơn giản (các âm môi); một số kết hợp âm tiết đã xuất hiện ở trẻ. Từ những âm bập bẹ vô nghĩa chuyển sang các âm bập bẹ có nghĩa; một số từ đầu tiên xuất hiện. Khi nói, trẻ phát âm các âm tiết tuy chưa rõ ràng và chính xác nhưng về cơ bản người nghe có thể lĩnh hội được ý mà trẻ diễn đạt; + Về dùng từ: Đầu năm thứ hai, trẻ dùng được một số từ chỉ con người, sự vật, hành động... gần gũi, quen thuộc với vốn sống của trẻ (ba, mẹ, bà, gà, chó, đi...). Cuối độ tuổi, trẻ dùng được khoảng 200-300 từ, đa phần vẫn là các từ cụ thể chỉ sự vật hiện tượng xung quanh trẻ (Đinh Hồng Thái, 2013, tr 102); + Về diễn đạt: Có thể gọi đây là giai đoạn bắt đầu hình thành giao tiếp ngôn ngữ. Tính tích cực giao tiếp tăng lên. Trẻ tích cực sử dụng lời nói mặc dù còn rất hạn chế. Trẻ có thể nói được một số câu ngắn. Xuất hiện một số kiểu câu một, hai từ. Ví dụ kiểu câu một từ danh từ “Nước!”, “Bánh!”...; kiểu câu một từ động từ “Đi!”, “Bé!”...; kiểu câu hai từ chủ ngữ - vị ngữ: “Bé đi.”; “Gà gáy.”...; kiểu câu hai từ vị ngữ - bổ ngữ: “Đánh mèo.”, “Lấy kẹo.”... (Đinh Hồng Thái, 2013, tr 71).

- *Đối với trẻ 24-36 tháng tuổi:* + Về phát âm: Bộ máy phát âm lúc này đã khá hoàn thiện. Trẻ có thể phát âm đúng nhiều âm vị, các kiểu kết hợp âm thanh, một vài âm tương đối khó. Một số trẻ không còn nói ngọng nữa; + Về dùng từ: Vốn từ chỉ tên gọi, đặc điểm và hoạt động của đồ vật tăng lên nhanh chóng do khả năng đi lại, chạy nhảy đã tạo ra nhiều cơ hội hơn cho trẻ thâm nhập vào thế giới xung quanh, tiếp xúc với thế giới đồ vật, hoạt động với đồ vật. Trẻ có thể sử dụng được trên 500 từ (Đinh Hồng Thái, 2013, tr 102). Bên cạnh đó, phát âm đúng từ khiến cho trẻ chịu khó sử dụng từ hơn. Từ ngữ được đưa vào hoạt động tích cực hơn. Trẻ hiểu từ, sử dụng từ đúng hơn, phong phú hơn nhiều so với độ tuổi trước; + Về diễn đạt: Trẻ đã nói được một số mẫu câu đơn mở rộng thành phần; xuất hiện các mẫu câu ghép đơn giản trong lời nói của trẻ (câu ghép đẳng lập, ví dụ: “Con ăn bánh, bạn ăn kẹo”). Tuy nhiên, ở một số trẻ vẫn xuất hiện hiện tượng nói lắp sinh lí (do mâu thuẫn giữa vốn từ phát triển nhanh với tư duy về mặt ngữ pháp còn hạn chế) hoặc sắp xếp sai trật tự từ trong câu. Cuối độ tuổi, trẻ có thể bắt chước GV đọc thơ, kể những câu chuyện đơn giản mà trẻ đã được nghe nhiều lần với sự giúp đỡ của GV; diễn đạt được những hiểu biết, suy nghĩ, tình cảm, mong muốn, nhu cầu... của bản thân bằng lời nói và các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt...); thuật lại được sự việc đã xảy ra theo cách phù hợp với độ tuổi (bằng một số câu ngắn, thiếu sự liên kết hình thức giữa các câu) (Đinh Hồng Thái, 2013, tr 78-79).

2.1.3. Nội dung giáo dục phát triển năng lực ngôn ngữ cho trẻ 12-36 tháng tuổi

2.1.3.1. Nội dung giáo dục phát triển năng lực nghe hiểu lời nói cho trẻ 12-36 tháng tuổi

- *Đối với trẻ 12-24 tháng tuổi:* + Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau; + Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc; + Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói; + Nghe các câu hỏi: ở đâu? con gì? thế nào? cái gì? làm gì?; + Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, chuyện kể đơn giản theo tranh (Bộ GD-ĐT, 2021, tr 15).

- *Đối với trẻ 24-36 tháng tuổi:* + Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau (Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc; Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói); + Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào?; Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn (Bộ GD-ĐT, 2021, tr 15).

2.1.3.2. Nội dung giáo dục phát triển năng lực sử dụng lời nói cho trẻ 12-36 tháng tuổi

- *Đối với trẻ 12-24 tháng tuổi:* + Phát âm các âm khác nhau; + Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi; Trả lời và đặt câu hỏi: con gì? cái gì? làm gì?; + Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản; Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ (Bộ GD-ĐT, 2021, tr 15).

- *Đối với trẻ 24-36 tháng tuổi:* + Phát âm các âm khác nhau; + Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp; + Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? làm gì? ở đâu? thế nào? để làm gì? tại sao?...; + Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài; + Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng; + Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý; + Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn (Bộ GD-ĐT, 2021, tr 15).

2.2. Đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi

2.2.1. Khái niệm “đánh giá năng lực ngôn ngữ”

Đánh giá là quá trình tiến hành có hệ thống để xác định phạm vi đạt được theo các mục tiêu đề ra; là đưa ra những nhận định tổng hợp về các dữ kiện đo lường được qua các kì kiểm tra/ lượng giá trong quá trình và kết thúc bằng đối chiếu, so sánh với các tiêu chuẩn đã được xác định rõ ràng trước đó trong các mục tiêu (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2014, tr 13). Đó là quá trình thu thập thông tin, chứng cứ về đối tượng đánh giá và đưa ra những phán xét, nhận định về mức độ đạt được theo các tiêu chí đã được đưa ra trong các tiêu chuẩn. Đánh giá có thể là đánh giá định lượng dựa vào các con số hoặc định tính dựa vào các ý kiến và giá trị.

Đánh giá NLNN của một đối tượng là quá trình thu thập các dữ kiện về NLNN của đối tượng đó và đưa ra nhận định về mức độ đạt được theo các tiêu chí về NLNN của độ tuổi đã được xác định trong các tiêu chuẩn.

2.2.2. Ý nghĩa của việc đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi đối với sự phát triển ngôn ngữ của trẻ

Trong hệ thống các loại hình giao tiếp đa dạng và phong phú của con người, ngôn ngữ được coi là hình thức giao tiếp cơ bản và quan trọng nhất. Nó được tạo thành từ nội dung và ý nghĩa của kí hiệu hoá mang tính chất ngôn ngữ nhằm giúp cho con người có thể giao tiếp với nhau trong cuộc sống (Bloom & Lahay, 1978).

Ngôn ngữ được cấu thành từ rất nhiều các yếu tố khác nhau như nội dung nhận thức của ngôn ngữ (về mặt ý nghĩa), hình thức cấu tạo của ngôn ngữ (về mặt cấu tạo từ vựng, cấu trúc ngữ pháp) và chức năng mang tính xã hội (về mặt sử dụng lời nói để giao tiếp). Các yếu tố này không tồn tại một cách độc lập mà chúng có mối tương quan tác động qua lại với nhau một cách chặt chẽ. Chính vì vậy mà trong nhiều trường hợp, trẻ 12-36 tháng tuổi chậm phát triển về nhận thức hoặc tính xã hội thì cũng chậm phát triển về ngôn ngữ. Nói cách khác, ngôn ngữ có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển nhận thức và tính xã hội ở trẻ em nói chung, trẻ độ tuổi 12-36 tháng nói riêng. Việc PTNN cho trẻ là rất quan trọng nhưng không thể tách rời nó với các lĩnh vực phát triển khác mà điều đặc biệt cần thiết là phải đặt ngôn ngữ trong mối quan hệ mật thiết với tất cả các lĩnh vực, từ đó mới giúp cho sự phát triển của trẻ được toàn diện, hài hoà và cân đối ở tất cả các mặt khác nhau, tạo tiền đề vững chắc cho trẻ tự tin hoà nhập vào cuộc sống cũng như tham gia vào các hoạt động học tập và vui chơi.

Tất cả các yếu tố nói trên cho thấy việc phát hiện và chẩn đoán được sự PTNN bình thường hoặc bất thường của trẻ ở từng giai đoạn khác nhau trong quãng 12-36 tháng là vô cùng quan trọng. Để đánh giá đúng NLNN của trẻ, việc đầu tiên là phải xác định được một cách rõ ràng và cụ thể mục đích của việc đánh giá. Sau đó phải lựa chọn và quyết định nội dung và phương pháp đánh giá sao cho phù hợp với mục đích đánh giá đã đề ra.

2.2.3. Mục đích đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi

Miller (1978) đã giới thiệu 3 mục đích khi đánh giá NLNN của trẻ, trong đó có trẻ 12-36 tháng như sau (dẫn theo Young-tae và cộng sự, 2013):

Thứ nhất, để phát hiện ra những vấn đề bất bình thường tiềm ẩn trong ngôn ngữ của trẻ. Nói cách khác là nhằm mục đích chẩn đoán và phân loại mức độ PTNN của trẻ xem trẻ có phát triển bình thường và phù hợp với chuẩn ngôn ngữ trong độ tuổi mà trẻ phải đạt được hay không; Nếu trường hợp ngôn ngữ của trẻ phát triển chậm hơn so với chuẩn phát triển bình thường, việc đánh giá cũng giúp phân loại được trẻ chậm phát triển ở mức độ nào, có nghiêm trọng hay không, có can thiệp sớm để giúp trẻ có khả năng phục hồi NLNN bình thường được hay không.

Thứ hai, để đánh giá được NLNN hiện tại của trẻ. Nghĩa là phát hiện và chẩn đoán được mức độ phát triển chậm về ngôn ngữ của trẻ để bắt đầu tiến hành những can thiệp sớm cần thiết.

Thứ ba, nhằm mục đích can thiệp sớm và đánh giá hiệu quả của việc can thiệp sớm, có nghĩa là nhằm đánh giá những chuyển biến cụ thể về mặt ngôn ngữ của trẻ ở mức độ nào sau khi can thiệp.

Đánh giá NLNN - cũng giống như các đánh giá tâm lí khác - được chia ra thành hai loại: một là kiểm tra để phân loại ban đầu một cách khái quát có hay không những khiếm khuyết về ngôn ngữ ở trẻ; hai là kiểm tra để chẩn đoán mức độ khiếm khuyết về ngôn ngữ ở trẻ trên cơ sở kiểm tra kĩ những đặc thù của từng loại khiếm khuyết. Đối với loại kiểm tra phân loại, mục tiêu trọng tâm của loại kiểm tra này là mục đích đầu tiên trong 3 mục đích đã trình bày ở trên. Cụ thể kiểm tra phân loại nhằm mục đích đánh giá một cách khách quan NLNN của trẻ 12-36 tháng tuổi, đồng thời chẩn đoán những trẻ cần được kiểm tra thật chi tiết và cụ thể về ngôn ngữ. Theo đó, các hạng mục được xây dựng trong kiểm tra phân loại phải đảm bảo yếu tố chi tiết, cụ thể và mang tính quyết định đối với sự PTNN của trẻ.

Loại kiểm tra chẩn đoán được sử dụng nhằm phát hiện và chẩn đoán chính xác những vấn đề về chậm PTNN ở trẻ 12-36 tháng tuổi. Theo đó, kết quả của việc kiểm tra chẩn đoán không chỉ đơn giản dừng lại ở việc phán đoán những vấn đề ngôn ngữ mà trẻ gặp phải mà còn phải sử dụng các tài liệu cơ bản để can thiệp sớm sau khi kiểm tra (Young-tae et al., 2013).

2.2.4. Nội dung đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi

Ngôn ngữ là một công cụ để tư duy và giao tiếp giữa người với người trong cộng đồng xã hội. Điều này có nghĩa là sự PTNN không phải là cái có thể đạt được ở một lĩnh vực độc lập mà là cái đạt được thông qua sự phát triển của tổ hợp các lĩnh vực nhận thức và xã hội. Ngôn ngữ là cái mà trẻ chỉ có thể đạt được thông qua sự tác động tương hỗ một cách tích cực và chủ động giữa bản thân trẻ với môi trường bên ngoài (gồm cả môi trường tự nhiên và môi trường xã hội). Trong quá trình tham gia vào các mối quan hệ tác động tương hỗ đó, trẻ em sẽ lĩnh hội được các kí hiệu mang tính ngôn ngữ tồn tại trong nền văn hóa của xã hội loài người, qua đó trẻ cũng sẽ tiếp nhận được những kiến thức, kĩ năng cần thiết, những kinh nghiệm sống mang tính xã hội làm nền tảng cơ bản cho việc hòa nhập vào cuộc sống của xã hội loài người (Bates et al., 1977, 1979; Bloom, 1970). Vì vậy, đánh giá NLNN của trẻ phải bao gồm việc đánh giá theo các năng lực nền tảng mang tính ngôn ngữ như nhận thức, tính xã hội.

Năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi biểu hiện cụ thể ở 2 lĩnh vực: nghe - hiểu lời nói và sử dụng lời nói. Cả hai năng lực này đều liên quan đến việc nhận thức và hiểu biết về các sự vật (object) hoặc sự kiện (events), đến việc hiểu nghĩa của từ và dùng từ cũng như các nguyên tắc sắp xếp các từ để tạo thành câu theo cấu trúc ngữ pháp, việc phát âm theo những quy tắc, chuẩn mực nhất định để có thể thực hiện được hoạt động giao tiếp trong xã hội.

Chính vì vậy, khi đánh giá NLNN của trẻ, phải xây dựng được các hạng mục kiểm tra bao gồm đầy đủ các yếu tố nói trên, cụ thể là các hạng mục kiểm tra xây dựng để đánh giá NLNN cho trẻ phải bao gồm cả việc nghe - hiểu lời nói và việc sử dụng lời nói của trẻ. Mỗi lĩnh vực đều bao gồm đầy đủ các nội dung được xây dựng để đánh giá NLNN của trẻ theo các yếu tố của ngôn ngữ như khả năng phát âm, việc hiểu nghĩa của từ và câu, khả năng dùng từ, đặt câu của trẻ. Tuy nhiên, năng lực nghe - hiểu và sử dụng lời nói của trẻ cũng như từng kĩ năng trong mỗi lĩnh vực này không phải là những đơn vị riêng rẽ, tách rời mà giữa chúng có những mối quan hệ hết sức mật thiết. Trong năng lực nghe - hiểu lời nói, biểu hiện của việc trẻ có thính giác ngôn ngữ bình thường (nghe được rõ ràng, chính xác âm thanh ngôn ngữ) là việc trẻ thực hiện được yêu cầu của người giao tiếp với trẻ bằng hành động và/ hay lời nói hoặc tham gia, duy trì cuộc đối thoại bằng những lượt thoại phù hợp. Do đó, khi đánh giá năng lực nghe - hiểu lời nói của trẻ, không đánh giá riêng khả năng tri giác âm thanh ngôn ngữ như một yếu tố vật chất mà phải đặt nó vào hoạt động giao tiếp tự nhiên của trẻ thông qua việc trẻ hiểu đúng ý nghĩa của âm thanh do từ và câu, chuỗi câu mang lại. Trong đánh giá năng lực sử dụng lời nói, ngoài đánh giá kĩ năng phát âm của trẻ 12-36 tháng tuổi bằng bài tập phát âm, có thể đánh giá năng lực này của trẻ bằng chính việc người giao tiếp với trẻ nắm bắt được, hiểu đúng được ý nghĩa lời nói do trẻ tạo ra trong một ngữ cảnh cụ thể (ví dụ: trẻ trả lời đúng ý, hợp lí câu hỏi của người khác bằng chất lượng phát âm phù hợp với khả năng của trẻ trong độ tuổi, đảm bảo người nghe có thể nghe được, hiểu được lời nói của mình).

2.2.5. Phương pháp đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ 12-36 tháng tuổi

Miller (1978) đã đưa ra 4 phương pháp đánh giá ngôn ngữ của trẻ, cụ thể là đánh giá tiêu chuẩn hóa (Standardization test), đánh giá sự phát triển (Development standard), đánh giá phi tiêu chuẩn hóa (Non-standardization test), và quan sát hành động (Action observe). Trình tự đánh giá phải được lựa chọn dựa theo mục đích đánh giá (dẫn theo Young-tae et al., 2013): Khi đánh giá NLNN của trẻ 12-36 tháng tuổi, có thể áp dụng nhiều phương pháp đánh giá tùy thuộc mục đích đánh giá. Đánh giá tiêu chuẩn hóa hoặc đánh giá sự phát triển có thể được sử dụng để phán đoán những vấn đề về ngôn ngữ hoặc đánh giá NLNN hiện tại của bản thân trẻ thông qua việc phân tích căn cứ vào mức độ phát triển bình thường những NLNN ở trẻ. Đặc biệt, đánh giá tiêu chuẩn hóa là phương pháp đánh giá cụ thể hóa nhất thường được lựa chọn và sử dụng đầu tiên để phán đoán những vấn đề về ngôn ngữ ở trẻ, bởi vì phương pháp này có thể phân tích kết quả kiểm tra căn cứ vào những tài liệu đã được tiêu chuẩn hóa có độ tin cậy và độ chính xác cao nhất. Ngược lại, phương pháp kiểm tra phi tiêu chuẩn hóa hoặc phương pháp quan sát hành động là phương pháp đánh giá hay được GV hoặc những người làm công tác chăm sóc trẻ sử dụng vì các phương pháp này dễ tiến hành hơn và có thể đánh giá được một cách tập trung vào một vấn đề cụ thể nào đó phát sinh ở trẻ. Tuy nhiên, các phương pháp này lại không phù hợp trong việc phát hiện hoặc phán đoán những vấn đề của trẻ hoặc không phù hợp khi sử dụng để đánh giá hay lên kế hoạch can thiệp sớm vấn đề ngôn ngữ có ở trẻ.

Ở một góc độ khác, căn cứ vào trình tự và cách thức tiến hành test, có thể chia phương pháp đánh giá NLNN của trẻ ra làm 2 phương pháp lớn: (1) Phương pháp kiểm tra trực tiếp của người kiểm tra trên đối tượng kiểm tra. Ở phương pháp kiểm tra này, người kiểm tra phải tiến hành trực tiếp trên đối tượng trẻ và phải thực hiện theo một trình tự nghiêm ngặt, từ việc trực tiếp kiểm tra từng hạng mục của bộ công cụ, trực tiếp quan sát và ghi chép kết quả, đến việc trực tiếp chấm điểm và tính điểm cho trẻ; (2) Phương pháp kiểm tra gián tiếp như là quan sát hành động của trẻ hoặc phỏng vấn bố mẹ hoặc người trực tiếp chăm sóc trẻ.

Phương pháp kiểm tra trực tiếp có thể mang lại một kết quả khách quan có độ tin cậy và tính chính xác cao. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp như độ tuổi của trẻ quá nhỏ hoặc trẻ có những biểu hiện không bình thường cần phải kiểm tra để cụ thể hóa những bất thường ở trẻ, người ta thường chọn phương pháp kiểm tra gián tiếp như quan sát hành động hay phỏng vấn bố mẹ hoặc những người chăm sóc trẻ. Ví dụ như các bộ công cụ đánh giá Receptive - Expressive Language Scale (RELS) (Bzoch & League, 1971), đã đánh giá NLNN của trẻ từ 2-3 tuổi bằng tranh ảnh (Young-tae et al., 2013).

3. Kết luận

Sự hình thành ngôn ngữ tích cực là cơ sở mang tính nền tảng cho sự phát triển các quá trình tâm lí nhận thức (cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ...) và sự phát triển các dạng hoạt động của trẻ độ tuổi 12-36 tháng (hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật...). Đây là thời kì nhạy cảm đối với sự PTNN, đặt nền tảng cho việc lĩnh hội và sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong những chặng đường tiếp theo để đảm bảo cho trẻ những điều kiện cần thiết cho sự PTNN ở trẻ độ tuổi này. Một trong những biện pháp hữu hiệu giúp trẻ 12-36 tháng lĩnh hội và PTNN một cách trọn vẹn là GV/ người lớn phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá NLNN của trẻ, qua đó nhận biết sự phát triển bình thường hoặc bất bình thường trong khả năng nghe, nắm bắt và hiểu từ, lĩnh hội cấu trúc ngữ pháp cũng như việc phát âm, dùng từ, đặt câu để diễn đạt những điều bản thân trẻ nhận thức hay tình cảm, thái độ của trẻ... để đưa ra các biện pháp tác động phù hợp với từng cá nhân trẻ. Xác định rõ ràng, cụ thể mục đích đánh giá, trên cơ sở đó lựa chọn và quyết định nội dung, phương pháp đánh giá phù hợp là các điều kiện cần đảm bảo để đánh giá đúng NLNN của trẻ, từ đó, GV/ người lớn mới có được những căn cứ xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động PTNN cho trẻ; cải tiến, đổi mới nội dung, phương pháp giúp trẻ PTNN một cách đầy đủ, trọn vẹn đồng thời cung cấp thông tin cần thiết cho cha mẹ trẻ về quá trình học tập và khả năng ngôn ngữ của trẻ ở trường mầm non.

Tài liệu tham khảo

- Bates, E., Benignl, L., Bretherton, I., Camionl., L., & Volterra, V. (1977). *From gesture to the first word*. In M. Lewis & L. & Rosenblum (Eds.), *Interaction, conversation, and the development of language* (pp. 247-307). New York: Willey.
- Bates, E., Benignl, L., Bretherton, I., Camionl., L., & Volterra, V. (1979). *The emergence of symbols: Cognition and communication in infancy*. New York: Academic Press.
- Bloom, L. & Lahey, M. (1978). *Language development and language disorders*. New York: Wiley and Sons.
- Bloom, L. (1970). *Language Development: Form and function of emerging grammars*. Cambridge, MA: The MIT Press.
- Bộ GD-ĐT (2021). *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD-ĐT).
- Bzoch, K. R., & League, R. (1971). *Receptive - Expressive Emergent Language Scale*. Austin, TX: Pro - Ed. Sequenced Inventory of Communicative Development.
- Đình Hồng Thái (2013). *Giáo trình phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- Hedrick, D. L., Prather E. M., & Tobin A. R. (1975). *Sequenced Inventory of Communication Development*. Seattle: University of Washington Press - Initial Communication Process Scale.
- Hoàng Phê (chủ biên, 2002). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Lã Thị Bắc Lý, Nguyễn Thị Thu Nga, Cao Thị Hồng Nhung (2021). Xây dựng tiêu chí đánh giá sự phát triển lời nói mạch lạc của trẻ 5-6 tuổi. *Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam*, 48, 42-47.
- Nguyễn Quang (2016). Từ năng lực ngôn ngữ đến năng lực liên văn hóa. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu nước ngoài*, 32(3), 1-9.
- Nguyễn Thị Bích Thủy (chủ nhiệm đề tài, 2015). *Nghiên cứu công cụ đánh giá năng lực ngôn ngữ của trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi*. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ, Bộ GD-ĐT, mã số: B2011-34-13.
- Nguyễn Thị Phương Nga (2012). *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Xuân Khoa (1999). *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Schery, T., & Glover, A. (1982). *The initial communication processes scale*. Monterey, CA: Publishers Test Service.
- Young-tae, K., Tae-je, S., & Yoon-gyeong, L. (2013). *Thang đo sự phát triển ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt của trẻ mầm non*. Trung tâm phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật ở Seoul (김영태, 성태제, 이윤경 (2013). 취학전 아동의 수용언어 및 표현언어 발달 척도, 서울자애인증합복지관).